

MD3-Session03-DML

Chữa bài tập

- 1. NHACC
 - MaNCC char(5) primary key
 - TenNCC varchar(50) not null
 - DiaChi text
 - SDT varchar(20)
- 2. PHIEUXUAT
 - SoPX - char(5) - Primarykey
 - NgayXuat - date default currentDate
- 3. PHIEUNHAP
 - SoPN char(5) primary key
 - NgayNhap date default currentDate
- 4. VATTU
 - MaVT - char(5) - Primary
 - TenVT - varchar(50) - not null - unique
- 5. PHIEUXUATCT
 - SoPX - char(5) - foreign key references PHIEUXUAT(SoPX)
 - MaVT - char(5) - foreign key references VATTU(MaVT)
 - DGXuat - float - not null >0
 - SLXuat - float - not null >0
 - primary key (MaVT,SoPX)
- 6. PHIEUNHAPCT
 - MaVT -char(5) - foreign key references VATTU(MaVT)
 - SoPN - char(5) - foreign key references PHIEUNHAP(SoPN)
 - DGNHAP - float - not null >0
 - SLNhap - float - not null >0
 - primary key (MaVT,SoPN)
- 7. DONDH
 - SoDH char(5) primary key
 - NgayDH date default currentDate
 - MaNCC char(5) - foreign key references NHACC(MaNCC)
- 8. DONDHCT
 - MaVT - char(5) - foreign key references VATTU(MaVT)
 - SoDH char(5) - foreign key references DONDH(SoDH)
 - primary key (MaVT,SoDH)
- Lưu ý
 - 1 - N: Khóa ngoại nằm ở N
 - N-M: tách thành 2 liên kết 1 - N, N ở thực thể yếu tách ra
 - 1 - N: Xây dựng thực thể 1 trước, N sau

Insert

- Thêm 1 hoặc nhiều dữ liệu vào 1 bảng
- Cú pháp
 - INSERT INTO [TableName] values((row1), (row2),..., (rowN))
 - Thêm mới dữ liệu theo thứ tự các column trong bảng
 - INSERT INTO [TableName] (column1,column2...,columnN) values((col1value,col2value,...,colNvalue))
 - Thêm mới dữ liệu theo thứ tự column được khai báo

Update

- Cập nhật dữ liệu bảng
- Cú pháp
 - UPDATE [TableName] SET [ColumnName1] = [Value 1], [ColumnName2] = [value2]....
- Lưu ý
 - Thường phải sử dụng mệnh đề Where để xác định dữ liệu được cập nhật

Delete

- Xóa dữ liệu bảng
- Cú pháp
 - DELETE FROM [TableName] WHERE [Condition]
- Lưu ý
 - Thường phải sử dụng mệnh đề where để xác định dữ liệu cần xóa

Select

- Truy vấn dữ liệu từ 1 hoặc nhiều bảng
- Thành phần
 - 5. SELECT
 - Lấy dữ liệu từ các bảng
 - * là lấy tất cả dữ liệu
 - Chuẩn hóa CSDL không được dùng *
 - columns - liệt kê các dữ liệu cần lấy
 - toán tử toán học và các hàm tính toán
 - search khi cần dùng các hàm tính toán
 - 1. FROM
 - Lấy dữ liệu từ đâu
 - Lấy từ 1 hoặc nhiều bảng qua liên kết bảng
 - inner join
 - left join
 - right join
 - 2. WHERE
 - Điều kiện để lấy dữ liệu
 - =, >, <, >=, <=
 - and , or, not
 - age between 5 and 7
 - age >=5 and age <=7
 - age in (5,7,9)
 - age = 5 or age = 7 or age = 9
 - like: so sánh chuỗi
 - %: đại diện cho các ký tự trong chuỗi
 - _: đại diện cho 1 ký tự trong chuỗi
 - 3. GROUP BY
 - Nhóm dữ liệu theo các tiêu chí
 - 4. HAVING
 - Điều kiện của nhóm
 - 6. ORDER BY
 - Sắp xếp tăng dần hay giảm dần
 - ASC: tăng dần
 - DESC: giảm dần